ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 176 /GPMT-UBND	*Đắk Lắk, ngày 17 tháng 11 năm 2026*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hóa thủ tục hành chính về cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026;

Căn cứ Quyết định số 01459/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ trong lĩnh vực môi trường thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 2666/BQL-QLDA1 ngày 29/10/2026 và hồ sơ kèm theo (mã số hồ sơ H15.50-261102-100231) của Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk (Ban C) về việc giải trình, tiếp thu, bổ sung nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1115/TTr-SNNMT ngày 09/11/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk, địa chỉ tại 03 Đại lộ Hùng Vương, phường Phú Yên, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên" tại số 15 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên.

1.2. Địa điểm hoạt động: Số 15 đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên về việc Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án: Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên, phường 9, thành phố Tuy Hòa của Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên; Quyết định số 1187/QĐ-UBND ngày 28/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Đầu tư sửa chữa, nâng cấp, mở rộng một số hạng mục cấp thiết Bệnh viện Đa khoa Phú Yên.

1.4. Mã số thuế: 4400746600

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Tổng diện tích: 59.251 m^2

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm III theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP.

- Công suất: 800 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp giấy phép môi trường, người có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Điều 4. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND phường Tuy Hòa tổ chức kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ HCC tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- UBND phường Tuy Hòa;
- BQL các DA ĐTXD khu vực phía Đông tỉnh;
(Đ/c: 03 Đại lộ Hùng Vương, P. Phú Yên)
- Lưu: VT, NNMT (Nhat-2b).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 176 /GPMT-UBND ngày 17 / 11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh của các khoa phòng bệnh viện.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh y cụ, giặt giũ của Bệnh viện.

- Nguồn số 03: Nước thải nhiễm phóng xạ phát sinh từ khu xạ trị.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh, tắm rửa, giặt giũ, ăn uống của cán bộ, nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân của Bệnh viện.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh từ Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ.

- Nguồn số 06: Nước thải từ Phòng khám Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ quá trình dội rửa kho lưu giữ chất thải rắn.

- Nguồn số 08: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn của Bệnh viện.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Rạch Bầu Hạ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Sau khi hệ thống thu gom nước thải tập trung trên đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk được thi công hoàn thiện và đưa vào vận hành, nước thải sau xử lý của Bệnh viện sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của khu vực nằm trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC D300 đấu vào cống ngầm Φ 400mm sau đó chảy ra Rạch Bầu Hạ. Tọa độ vị trí xả nước thải *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^0 30'$, múi chiếu 3^0)*: X=1449790, Y=586483.

- Sau khi hệ thống thu gom nước thải tập trung trên đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk được thi công hoàn thiện và đưa vào vận hành: Nước thải sau xử lý của Bệnh viện được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 880 m^3/ngày.đêm tương đương 36,7 m^3/giờ.

2.4. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

- Nước thải sau xử lý, được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC D300 (dài 300m, đặt ngầm) đấu vào cống bê tông cốt thép Φ400mm (dài 1.000m, đặt ngầm) sau đó chảy ra Rạch Bầu Hạ tại cống xi măng đường Nguyễn Hữu Thọ.

- Sau khi hệ thống thu gom nước thải tập trung trên đường Nguyễn Hữu Thọ, phường Tuy Hòa, tỉnh Đắk Lắk được thi công hoàn thiện và đưa vào vận hành: Nước thải sau xử lý, được dẫn bằng đường ống nhựa uPVC PN 10 D315 (dài 250m, đặt ngầm), sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

2.5. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày đêm.

2.6. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột B), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m^3/h	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	pH	-	**6 - 9**		
3	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	**≤ 80**		
4	BOD_5 (20^0C)	mg/l	**≤ 60**		
5	COD	mg/l	**≤ 90**		
6	Tổng Nitơ (T-N)	mg/l	**≤ 40**		
7	Tổng Photpho (T-P)	mg/l	**≤ 6,0**		
8	Sunfua (S_2^-)	mg/l	**≤ 0,5**		
9	Amoni (NH_4+), tính theo N	mg/l	**≤ 10**		
10	Tổng Coliform	MPN/100ml	**≤ 5.000**		
11	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	**≤ 30**		
12	Clorua (Cl^-)	mg/l	**≤ 1000**		
13	Chất hoạt động bề mặt anion	mg/l	**≤ 5,0**		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải y tế phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh của các khoa phòng được dẫn qua hệ thống thu gom nước thải về hố gom chung rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nguồn số 02: Nước thải từ hoạt động vệ sinh y cụ, giặt ủi được thu gom bằng đường ống riêng và được đưa về hệ thống thu gom chung của bệnh viện sau đó đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nguồn số 03: Nước thải nhiễm phóng xạ phát sinh từ khu xạ trị được thu gom qua 05 hầm xử lý có thể tích mỗi hầm 9m^3 kích thước mỗi hầm 2,0 m x 1,8m x 2,5m để lưu giữ chất thải lỏng trong thời gian cần thiết để giảm độ phóng xạ trong nước thải đến giới hạn an toàn và dẫn về bể thu gom của hệ thống XLNT của Bệnh viện.

- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động vệ sinh, tắm rửa, giặt giũ, ăn uống của cán bộ, nhân viên y tế, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân của Bệnh viện được dẫn qua bể tự hoại được bố trí tại mỗi khu vực, nước thải sau đó được đưa về hệ thống thu gom chung của bệnh viện, rồi đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của bệnh viện.

- Nguồn số 05: Nước thải phát sinh của Trung tâm Bảo vệ sức khỏe cán bộ được xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn, sau đó cùng với nước thải y tế phát sinh từ các khu vực phòng khám, rửa trang thiết bị,... chảy về bể thu nước thải có thể tích khoảng 15 m^3 (kích thước: 2,6 m x 3,5 m x 1,6 m, thành bể được xây bằng BTCT dày 200 mm), đặt tại góc Tây Nam của dự án, sau đó được bơm qua Trạm xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa Phú Yên để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ Phòng khám Y học cổ truyền – Phục hồi chức năng tại địa chỉ 368 Trần Hưng Đạo, phường Tuy Hòa với lưu lượng nước thải phát sinh khoảng 4,69 m^3/ngày.đêm được xử lý qua bể tự hoại sau đó cho qua bể chứa có trám đáy, hợp đồng với đơn vị thu gom đưa về các hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện đang hoạt động để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải phát sinh từ quá trình dội rửa kho lưu giữ chất thải rắn được thu gom theo đường ống riêng và dẫn về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải từ khu vực nhà ăn tại Bệnh viện được thu gom riêng và theo hệ thống thu gom nước thải về hố gom chung và đưa về các hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Bể tự hoại

- Số lượng: 23 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hố thu gom (có bố trí song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Dung tích: 3, 4, 12, 16 và 18 m^3/bể.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.2. Bể tách dầu mỡ

- Số lượng: 01 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải căn tin → Ngăn thu gom (có bố trí lưới lọc rác) → Ngăn lọc dầu mỡ → Ngăn chứa → Hố thu gom (có bố trí song chắn rác) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Dung tích: 01 m^3.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.3. Bể xử lý chất thải phóng xạ

- Số lượng: 05 bể.

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải khu xạ trị → Hầm chứa 1 → Hầm chứa 2 → Hầm chứa 3 → hầm chứa 4 → hầm chứa 5 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bệnh viện.

- Dung tích: 09 m^3/bể.

- Hóa chất sử dụng: Không

1.2.4. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 880 m^3/ngày đêm, gồm 03 hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 250 m^3/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hố ga thu gom của Bệnh viện (Nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B) → Hệ thống thoát nước thải của Bệnh viện → Hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

+ Hóa chất sử dụng: Clo.

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m^3/ngày đêm:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Thiết bị xử lý yếm hiếu khí vi sinh → Ngăn lắng → Ngăn khử trùng → Hố ga thu gom của Bệnh viện (Nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B) → Hệ thống thoát nước thải của Bệnh viện → Hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

- Hệ thống xử lý nước thải công suất 330 m^3/ngày đêm đầu tư xây dựng mới:

+ Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể tiếp nhận → Bể điều hòa → Bể thu gom tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Hố ga thu gom của Bệnh viện (Nước thải đạt QCVN 40:2025/BTNMT, cột B) → Hệ thống thoát nước thải của Bệnh viện → Hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện).

+ Hóa chất sử dụng: Men vi sinh; Hóa chất khử khuẩn Clo (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn theo quy định).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn.

- Thường xuyên theo dõi, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị, tình trạng hoạt động của các bể để có biện pháp khắc phục kịp thời.

- Phân công nhân viên kỹ thuật vận hành, kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý nước thải để kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra.

- Chuẩn bị sẵn các vật tư, phụ tùng để thay thế, sửa chữa khi máy móc thiết bị hỏng.

- Lấy mẫu và phân tích định kỳ chất lượng nước thải sau khi xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lập Sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải để theo dõi, cập nhật đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành, các vấn đề sự cố phát sinh trong quá trình vận hành để ứng phó kịp thời với các sự cố có thể phát sinh.

- Xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường tại dự án theo quy định.

- Khi một trong các hệ thống xử lý nước thải của Bệnh viện gặp sự cố không thể khắc phục ngay, tiến hành ngắt dòng nước thải cấp vào hệ thống này để sửa chữa. Toàn bộ lượng nước thải phát sinh sẽ được điều hướng, tăng tải sang 02 hệ thống còn lại, đảm bảo hiệu quả xử lý đạt QCVN 40:2025/BTNMT (cột B) trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom chung.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Đối với công trình xử lý nước thải công suất 550 m^3/ngày đêm hiện hữu: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP (Bệnh viện Đa khoa Phú Yên đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận 1694/STNMT-MT ngày 22/10/2013 về việc hoàn thành thực hiện các công

trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành Công trình Hệ thống xử lý nước thải Dự án "Bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên" của Ban quản lý các công trình trọng điểm Tỉnh; Giấy xác nhận 10/GXN-STNMT ngày 19/4/2016 về việc hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của Dự án "Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện tỉnh Phú Yên, hạng mục hỗ trợ hệ thống xử lý chất thải bệnh viện đa khoa tỉnh Phú Yên (Hệ thống xử lý nước thải)").

2.2. Đối với hệ thống xử lý nước thải công suất 330 m^3/ngày đêm đầu tư xây dựng mới: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 48/2026/NĐ-CP (Nước thải sau xử lý của Bệnh viện được đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải tập trung trên vỉa hè đường Nguyễn Hữu Thọ (góc Tây Bắc Bệnh viện)).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, xử lý nước thải theo đúng quy định về bảo vệ môi trường. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa, thu gom và thoát nước thải phải thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo luôn trong điều kiện vận hành bình thường; đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động.

3.3. Đảm bảo vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật đã được hướng dẫn. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc trong hệ thống xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải gồm lưu lượng, các thông số đặc trưng của nước thải (nếu có); loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3.6. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra nguồn tiếp nhận.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 176/GPMT-UBND ngày 17/ 11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải và khu vực đặt máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung *(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^0 30'$, múi chiếu 3^0):* X= 1449798.40; Y= 586462.90

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn: Quy chuẩn áp dụng QCVN 26:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)			**Khu vực bị ảnh hưởng**
Ngày (06h ~ trước 18h)	Tối (18h ~ trước 22h)	Đêm (22h ~ trước 06h)	
50	45	40	Khu vực A

3.2. Độ rung: Quy chuẩn áp dụng QCVN 27:2025/BNNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		**Khu vực bị ảnh hưởng**
Ngày (06h ~ trước 18h)	Đêm (22h ~ trước 06h)	
50	40	Khu vực A

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Thường xuyên bảo dưỡng (tra dầu, mỡ, vệ sinh) đảm bảo động cơ hoạt động ổn định và hạn chế phát sinh tiếng ồn.

- Sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh các hoạt động gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Không cho các máy móc có độ ồn cao làm việc vào những giờ nghỉ ngơi để tránh ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

1.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung

- Lắp đặt, cân chỉnh máy đúng làm giảm lực rung.

- Máy vận hành đúng theo công suất thiết kế.

- Định kỳ và thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị, bảo đảm các động cơ hoạt động ổn định để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 176 /GPMT-UBND ngày 17 / 11 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: Dự kiến khoảng 70.570 kg/năm. Trong đó: khối lượng chất thải rắn y tế lây nhiễm phát sinh khoảng 70.355 kg/năm; khối lượng chất thải nguy hại không lây nhiễm phát sinh khoảng 156kg/năm; khối lượng chất thải nguy hại khác phát sinh khoảng 59 kg/năm.

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: dự kiến khoảng 281.360 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường có khả năng tái chế: dự kiến phát sinh khoảng 10.383 kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Kho chứa chất thải y tế lây nhiễm chờ xử lý: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên chất thải nguy hại. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

- Diện tích: 37 m^2.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: Xây tường gạch, mái lợp tôn, nền xi măng, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa tạm thời chất thải, thiết bị lưu chứa có dán mã, tên chất thải nguy hại. Có lắp bảng hướng dẫn phân loại chất thải nguy hại và phương án xử lý trong trường hợp khẩn cấp, nội quy khu vực lưu chứa tạm thời chất thải.

- Diện tích: 19 m^2.

2.2. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt lưu chứa vào các thùng chứa dung tích 660l có nắp đậy, tập kết tại khu vực phía Nam Bệnh viện và chuyển giao cho đơn vị thu gom trong ngày.

2.3. Hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn tái chế

Nhà bằng tôn quây, mái lợp tôn, nền xi măng, có biển báo ghi rõ tên chất thải lưu chứa, tại khu vực lưu chứa bố trí thiết bị lưu chứa.

- Diện tích: 45 m^2.

3. Hoạt động tự xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải: Không có

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

2. Thực hiện phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải theo hướng dẫn tại Thông tư số 41/2025/TT-BNNMT ngày 14/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 176 /GPMT-UBND ngày 17 / 11/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG)

Không còn hạng mục phải tiếp tục đầu tư theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Bệnh viện bảo đảm tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP, Nghị định số 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT.

2. Bảo đảm an toàn bức xạ theo quy định tại Thông tư số 59/2025/TT-BKHCN ngày 31/12/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về bảo đảm an toàn bức xạ và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Máy phát điện dự phòng không kiểm soát như nguồn khí thải công nghiệp phải xử lý, nhiên liệu sử dụng phải đáp ứng yêu cầu về chất lượng theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm, đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, Chủ cơ sở phải có văn bản báo cáo cơ quan cấp phép để được kiểm tra và hướng dẫn;

6. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.